

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày: 02 – 7 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thành
2. Bà Trần Thị Út

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Phát Tấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01, 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/TLST-HS, ngày 26 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

- Nguyễn Thị C, sinh năm: 1978 tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; tên gọi khác: Không có; nơi cư trú: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị Tr; bị cáo có chồng tên Lê Văn Th, sinh năm: 1979; có 02 người con, lớn nhất sinh năm: 2010, nhỏ nhất sinh năm: 2017; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Thái Thị U – sinh năm: 1971 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 4, xã 6, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Th – sinh năm: 1974 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp Tân Phú A, xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

3. Anh Trần Văn D – sinh năm: 1998 - có mặt.

HKTT: Ấp 2B, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở: Ấp Tân Phú A, xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

4. Bà Nguyễn Thị T – sinh năm: 1970 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 4, xã 6, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

5. Bà Nguyễn Thị C – sinh năm: 1965 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

6. Bà Phạm Thị O – sinh năm: 1963 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

7. Bà Trần Thị H – sinh năm: 1952 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

8. Bà Nguyễn Thị B – sinh năm: 1956 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

9. Bà Võ Thị Th – sinh năm: 1976 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

10. Bà Huỳnh Kim L – sinh năm: 1973 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 2A, thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

11. Bà Nguyễn Thị KM – sinh năm: 1988 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 2A, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

12. Bà Nguyễn Thị H – sinh năm: 1962 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 2A, thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

13. Bà Lê Hoàng G – sinh năm: 1978 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp Tân Phú A, xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

14. Bà Trần Thị T – sinh năm: 1953.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tuyết: Bà Võ Thị L, sinh năm: 1972; địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang - có mặt.

15. Bà Võ Thị Th – sinh năm: 1981 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp Thị Tứ, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

16. Bà Võ Thị H – sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp Hòa Phụng A, thị trấn Kinh Cùng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Người đại diện theo ủy quyền của bà Hiền: Bà Võ Thị L, sinh năm: 1972; địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang - có mặt.

17. Bà Trần Thị KH – sinh năm: 1988 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

18. Bà Đồng Thị H – sinh năm: 1978 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 4, xã 6, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

19. Bà Trần Thị Ng – sinh năm: 1955 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 4, xã 6, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

20. Ông Nguyễn Văn B – sinh năm: 1980 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

21. Bà Võ Thị Th – sinh năm: 1962 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

22. Anh Nguyễn Tuấn A – sinh năm: 1995 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

23. Bà Bùi Thị TT – sinh năm: 1976 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 4, xã 6, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

24. Bà Nguyễn Thị ML – sinh năm: 1973 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 4, xã 6, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

25. Anh Trần Văn T – sinh năm: 1993 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 2B, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

26. Bà Lê Thị AH – sinh năm: 1970 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 4, xã 6, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

27. Bà Diệp Thị O – sinh năm: 1975 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

28. Bà Nguyễn Thị AT – sinh năm: 1982 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 4, xã 6, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

29. Bà Cao Thanh Th – sinh năm: 1960 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 2B, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

30. Ông Nguyễn Văn Ph – sinh năm: 1974 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

31. Bà Trần Thị MT – sinh năm: 1983 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 2A, thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

32. Bà Võ Thị TN – sinh năm: 1973 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 4, xã 6, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

33. Bà Trần Kim C – sinh năm: 1966 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

34. Bà Lê Thị LT – sinh năm: 1965 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

35. Bà Trần Thị KN – sinh năm: 1985 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 3B, thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

36. Bà Phan Thị Kim S – sinh năm: 1963 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị Th – sinh năm: 1982 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. Bà Lê Thị M – sinh năm: 1971 – vắng mặt.

Địa chỉ: Khu vực Thạnh Huề, phường Thường Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

3. Bà Lê Thị M – sinh năm: 1960 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

4. Bà Cao Thị Th – sinh năm: 1969 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

5. Chị Huỳnh Cẩm H – sinh năm: 1992 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 4B, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

6. Bà Nguyễn Thị D – sinh năm: 1956 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

7. Bà Huỳnh Thị Bạch Ng – sinh năm: 1982 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Xẻo Cao, xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

8. Ông Đặng Văn Ph – sinh năm: 1956 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

9. Bà Nguyễn Thị Kh – sinh năm: 1974 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

10. Bà Lê Kim N – sinh năm: 1968 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

11. Bà Nguyễn Thị Th – sinh năm: 1966 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

12. Bà Võ Thị Nh – sinh năm: 1982 - có mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

13. Bà Bùi Thị Bích Th – sinh năm: 1978 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 4, xã 6, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

14. Bà Đặng Thị Tr – sinh năm: 1958 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

15. Ông Lê Thanh T – sinh năm: 1974 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Vị Bình, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

16. Bà Trần Bạch Phương L – sinh năm: 1967 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

17. Bà Đặng Thị D – sinh năm: 1975 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

18. Bà Bùi Thị H – sinh năm: 1977 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

19. Bà Bùi Thị Th – sinh năm: 1976 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

20. Bà Nguyễn Thị Diễm Ph – sinh năm: 1980 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 2B, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

21. Bà Nguyễn Thị Thu Ph – sinh năm: 1981 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 3B, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

22. Ông Nguyễn Văn Ph – sinh năm: 1982 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 4, xã 6, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

23. Bà Nguyễn Ngọc H – sinh năm: 1977 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

24. Ông Lê Văn Th – sinh năm: 1979 (chồng bị cáo) – có mặt.

Địa chỉ: Ấp 8, xã 9, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thị C sống bằng nghề buôn bán, chồng Lê Văn Th làm ruộng và đi cày ruộng thuê cho nông dân trong ấp và các khu vực lân cận. Từ năm 2012 Nguyễn Thị C bắt đầu tổ chức chơi hội, bao gồm hội tháng và hội mùa (3 tháng) cho bà con trong khu vực xã Tân Hòa; các xã, thị trấn lân cận và một số người bà con ở địa phương khác tham gia. Thời gian đầu, hoạt động chơi hội diễn ra bình thường đúng với quy ước như đã thỏa thuận, các hội viên tham gia chơi hội thực hiện việc mở hội, khai hội thuận lợi nên các hội viên rất tin tưởng Nguyễn Thị C. Đến năm 2014, do ham tiền lãi cao C vay tiền của bà con với lãi suất thấp về cho vay lại với lãi suất cao hơn để hưởng phần lãi chênh lệch. Do bị các hội viên hốt hội xong không thực hiện nghĩa vụ đóng lại hội chết cho C và những người vay tiền của C giật tiền vay nên C mất khả năng chi trả cho các chủ nợ. Để có tiền trả lãi, trả nợ vay và tràn hội chết C đã dùng thủ đoạn gian dối trong quá trình tổ chức các dây hội bằng các hình thức đã đưa tên giả vào danh sách hội viên trong các dây hội do mình làm chủ để hốt hội và tự ý mượn hội hốt một số phần hội trong các dây hội do C tổ chức nhằm chiếm đoạt tiền của các hội viên. Đến ngày 04/10/2017 (nhằm ngày 15/8/2017 âm lịch), do không còn khả năng chi trả tiền hội cho các hội viên hốt hội C tuyên bố vỡ hội và bỏ trốn. Sau đó, C về địa phương và thỏa thuận và cam kết trả nợ với các hội viên nhưng không thực hiện đúng như thỏa thuận và cam kết nên đến tháng 5 năm 2018, các hội viên đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị C.

Quá trình điều tra đã xác định đến thời điểm vỡ hội, Nguyễn Thị C hiện còn 11 dây hội chưa kết thúc (trong đó, hội mùa còn 03 (ba) dây, hội tháng còn 08 (tám) dây, có 90 hội viên tham gia ở các dây hội). Khi tổ chức các dây hội này, bị cáo C tự đặt

ra quy định về tổ chức mở hội, thời gian và cách thức khai hội đối với từng dây hội để hội viên thực hiện; đồng thời C lập danh sách hội viên của từng dây hội, ghi chép vào sổ để quản lý, hội viên được C giao cho bản photocopy danh sách các hội viên tham gia trong từng dây hội. Khi bắt đầu tổ chức các dây hội, lần khai đầu tiên luôn giữ mức cố định và các lần khai tiếp theo kêu theo mức giá của người có nhu cầu hót hội, cụ thể:

Đối với hội mùa 5.000.000 đồng, giá quy ước kêu hội ở lần khai hội đầu là 1.500.000 đồng/01 mùa (03 tháng). Đối với hội tháng 2.000.000 đồng, giá quy ước kêu hội ở mỗi lần khai đầu là 300.000 đồng/tháng.

Trong quá trình tổ chức 11 dây hội nói trên, Nguyễn Thị C đã dùng thủ đoạn gian dối như đưa tên giả vào danh sách của hội viên để hót hội và tự ý hót hội một số lần khai hội nhằm chiếm đoạt tiền của các hội viên cụ thể như sau:

1. Hội mùa giá tiền 5.000.000đ/mùa (03 tháng khai 01 lần) 03 dây:

1.1. Dây thứ nhất: Mở ngày 20/4/2015 (âm lịch), có 20 phần, C tham gia 03 phần, trong đó C lấy tên người khác 02 phần gồm phần số 04 và số 15. Dây hội này đã khai 10 lần, C đã hót hết 03 phần hội, những người chưa hót hội gồm: Đặng Thị Yến (1 phần), Nguyễn Thị B (2 phần), Trần Thị T (2 phần), Trần Bạch Phương (1 phần), Nguyễn Văn B (2 phần), Nguyễn Thị T (1 phần), Bùi Thị Th (1 phần).

Cụ thể:

C hót phần số 1 ở lần khai thứ nhất ngày 20/4/2015 (âm lịch), kêu 1.500.000 đồng (mỗi hội viên chưa hót đóng hội sống là 3.500.000 đồng), hót được số tiền 59.500.000 đồng, đây là phần hội đứng tên C có thật.

C hót phần số 4 ở lần khai thứ 5 ngày 20/4/2016 (âm lịch), hội kêu 2.600.000 đồng (mỗi hội viên chưa hót đóng số tiền 2.400.000 đồng), hót được 48.600.000 đồng, C chiếm đoạt của 07 người là 10 phần chưa hót hội số tiền 24.000.000 đồng, đây là phần hội mạo danh.

C hót hội phần số 15, lần khai thứ 6 ngày 20/7/2016 (âm lịch), hội kêu 2.600.000 đồng (mỗi hội viên chưa hót hội đóng số tiền 2.400.000 đồng), hót hội được 48.600.000 đồng, C chiếm đoạt của 7 người là 10 phần chưa hót hội số tiền là 24.000.000 đồng, đây là phần hội mạo danh.

Như vậy, dây hội mở ngày 20/4/2015 (âm lịch) C đã hót hội được tổng cộng 156.700.000 đồng; bị cáo C chiếm đoạt của 07 người tham gia chơi hội chưa hót với số tiền 48.000.000 đồng. Trong những người bị C chiếm đoạt tiền, có 04 người yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật đối với C và buộc C trả lại số tiền đã chiếm đoạt gồm:

- 1/ Nguyễn Thị T: 4.800.000 đồng;
- 2/ Nguyễn Thị B: 9.600.000 đồng;
- 3/ Trần Thị T 9.600.000 đồng;

4/ Nguyễn Văn B 9.600.000 đồng.

Cho nên, số tiền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị C trong đây thứ nhất là 33.600.000 đồng.

1.2. *Dây hội thứ 2:* Mở ngày 20/8/2015 (âm lịch), có 17 phần, C tham gia 02 phần, trong đó C lấy tên người khác 01 phần (phần số 05), đây hội này đã khai 09 lần, C hốt hết 02 phần hội. Những người chưa hốt hội gồm: Nguyễn Thị Diễm, Nguyễn Thị Thu Ph, Đặng Thị Trường, Nguyễn Thị C, Lê Kim N, Trần Thị Ng, Nguyễn Thị T, Phan Thị Kim S.

Bị cáo C hốt hội (phần số 01) ở lần khai thứ nhất ngày 20/8/2015 (âm lịch), kêu 1.500.000 đồng (những hội viên chưa hốt hội đóng số tiền 3.500.000 đồng), C hốt được 52.500.000 đồng, đây là phần hội đứng tên C có thật.

Bị cáo C hốt phần hội số 05, ở lần khai hội thứ 05 ngày 20/8/2016 (âm lịch), hội kêu 2.700.000 đồng (mỗi hội viên chưa hốt hội đóng số tiền 2.300.000 đồng), hốt được 42.600.000 đồng, C chiếm đoạt của 08 người chưa hốt hội số tiền 18.400.000 đồng, đây là phần hội mạo danh.

Như vậy, đây hội mở ngày 20/8/2015 (âm lịch) C đã hốt được tổng số tiền 95.100.000 đồng, chiếm đoạt của 08 người chưa hốt hội số tiền: 18.400.000 đồng. Trong số những bị C chiếm đoạt tiền, có 04 người yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật đối với C và buộc C trả lại số tiền đã chiếm đoạt gồm:

1/ Nguyễn Thị T: 2.300.000 đồng;

2/ Nguyễn Thị C 2.300.000 đồng;

3/ Trần Thị Ng 2.300.000 đồng;

4/ Phan Thị Kim S 2.300.000 đồng.

Cho nên, số tiền để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo C trong đây hội thứ hai này là 9.200.000 đồng.

1.3. *Dây hội thứ 3:* Mở ngày 30/5/2016 (âm lịch), có 19 phần, C tham gia 03 phần, trong đó C lấy tên người khác 02 phần (gồm phần số 15 và phần số 16). Đây hội này đã khai 06 lần; C đã hốt hết 03 phần hội. Những người chưa hốt hội gồm: Đặng Bạch Yến, Phan Thị Kim S, Võ Thị Th (2 phần), Võ Thị H, Lê Thị M, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn B, Huỳnh Thị Cẩm Hường, Huỳnh Thị Hồng Nhan, Nguyễn Thị Xuyên, Nguyễn Thị KM, Nguyễn Ngọc H.

Bị cáo C hốt phần hội số 01, ở lần khai thứ nhất ngày 30/5/2016 (âm lịch), hội kêu 1.500.000 đồng (mỗi hội viên chưa hốt đóng hội số tiền 3.500.000 đồng), hốt được số tiền 56.000.000 đồng, đây là phần hội đứng tên C có thật.

Bị cáo C hốt phần hội số 15, lần khai thứ 4 ngày 30/02/2017 (âm lịch), hội kêu 2.800.000 đồng (mỗi hội viên chưa hốt đóng hội số tiền 2.200.000 đồng), hốt được 40.800.000 đồng, chiếm đoạt của 12 người (13 phần hội) chưa hốt số tiền 28.600.000 đồng, đây là phần hội mạo danh.

C hốt phần hội số 16, ở lần khai hội thứ 6 ngày 01/9/2017 (âm lịch), kêu 2.700.000 đồng (mỗi hội viên chưa hốt đóng hội sống số tiền 2.300.000 đồng), hốt được số tiền 44.900.000 đồng, chiếm đoạt của 12 người (13 phần hội) chưa hốt số tiền 29.900.000 đồng, đây là phần hội mạo danh.

Như vậy, dây hội mở ngày 30/5/2016 (âm lịch) C hốt hội tổng số tiền 141.700.000 đồng, chiếm đoạt của 12 người (13 phần) hội chưa hốt số tiền: 58.500.000 đồng. Trong số những hội viên bị C chiếm đoạt tiền có 05 hội viên yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật đối với C và buộc C trả lại số tiền bị chiếm đoạt gồm:

- 1/ Nguyễn Thị KM: 4.500.000 đồng;
- 2/ Võ Thị Th: 9.000.000 đồng;
- 3/ Võ Thị H: 4.500.000 đồng;
- 4/ Nguyễn Văn B: 4.500.000 đồng;
- 5/ Phan Thị Kim S: 4.500.000 đồng.

Cho nên, số tiền để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị C trong dây hội thứ ba này là 27.000.000 đồng.

2. Hội tháng giá trị 2.000.000 đồng (mỗi tháng khai hội 01 lần) có 08 dây:

2.1. Dây thứ nhất: Mở ngày 06/12/2016 (âm lịch), có 21 phần, C tham gia 03 phần, trong đó C lấy tên người khác hốt hội 02 phần (gồm phần số 03 và phần số 17). Dây hội này đã khai 10 lần, C đã hốt hết 03 phần hội. Những người chưa hốt gồm: Nguyễn Thị Cẩm Hương, Trần Thị T, Đặng Thanh Thuyền, Võ Thị Th, Trần Thị H, Trần Thị KH, Nguyễn Thị C, Đồng Thị H, Trần Thị Ng, Nguyễn Thị D, Trần Thị Bạch Ngộ.

Bị cáo C hốt phần hội số 03, ở lần khai thứ hai ngày 06/01/2017 (âm lịch), hội kêu 570.000 đồng (mỗi hội viên chưa hốt đóng hội sống số tiền 1.430.000 đồng), hốt được số tiền 26.310.000 đồng, chiếm đoạt của 11 người chưa hốt hội 15.730.000 đồng, đây là phần hội mạo danh.

Bị cáo C hốt hội phần số 17, ở lần khai thứ 04 ngày 06/3/2017 (âm lịch), hội kêu 600.000 đồng (mỗi hội viên chưa hốt hội, đóng hội sống số tiền 1.400.000 đồng), hốt được số tiền 26.400.000 đồng, chiếm đoạt của 11 người số tiền: 15.400.000 đồng, đây là phần hội mạo danh.

Bị cáo C hốt phần hội số 02, lần thứ 09 ngày 6/7/2017 (âm lịch), kêu 550.000 đồng (những hội viên chưa hốt đóng hội sống số tiền 1.450.000 đồng), hốt được số tiền 29.400.000 đồng, đây là phần hội đứng tên C có thật.

Như vậy, dây hội mở ngày 06/12/2016 (âm lịch) C đã hốt hội được tổng cộng 82.110.000 đồng, bị cáo C đã chiếm đoạt của 11 người chưa hốt hội số tiền: 31.130.000 đồng. Trong những người bị C chiếm đoạt tiền, có 07 người yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật đối với C và buộc C trả lại số tiền bị chiếm đoạt gồm:

- 1/ Nguyễn Thị C: 2.830.000 đồng;
- 2/ Trần Thị H: 2.830.000 đồng;
- 3/ Võ Thị Th: 2.830.000 đồng;
- 4/ Trần Thị T: 2.830.000 đồng;
- 5/ Trần Thị KH 2.830.000 đồng;
- 6/ Đồng Thị H 2.830.000 đồng;
- 7/ Trần Thị Ng 2.830.000 đồng.

Cho nên, số tiền để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo C trong trong đây hội này là 19.810.000 đồng.

2.2. *Dây hội thứ 2*: Mở ngày 10/9/2016 (âm lịch), có 20 phần, C tham gia 03 phần, trong đó lấy tên người khác 02 phần (phần số 04 và phần 16). Dây hội này đã khai 13 lần, C đã hốt 03 phần đã tham gia. Ngoài ra, C còn tự ý hốt hội của người khác 02 phần (phần số 18 và 19). Những người chưa hốt gồm: Nguyễn Văn B, Võ Thị Th, Võ Thị Th, Đặng Văn Ph, Nguyễn Tuấn A, Bùi Thị TT, Thái Thị U, Nguyễn Thị ML, Trần Thị T.

Bị cáo C hốt phần hội số 01, ở lần khai thứ nhất ngày 10/9/2016 (âm lịch), hội kêu 300.000 đồng (mỗi hội viên chưa hốt, đóng hội sống số tiền 1.700.000 đồng), C hốt được 28.900.000 đồng, đây là phần hội đứng tên C có thật.

Bị cáo C hốt hội phần số 04, ở lần khai thứ tư, ngày 10/12/2016 (âm lịch), hội kêu 620.000 đồng (những hội viên chưa hốt đóng hội sống số tiền 1.380.000 đồng), hốt được số tiền 24.700.000 đồng, bị cáo C chiếm đoạt của 09 người chưa hốt hội số tiền 12.420.000 đồng, đây là phần hội mạo danh.

Bị cáo C hốt hội phần số 16 ở lần khai thứ 7 ngày 10/3/2017 (âm lịch), hội kêu 600.000 đồng (mỗi hội viên chưa hốt hội đóng hội sống số tiền 1.400.000 đồng), hốt được số tiền 26.200.000 đồng, chiếm đoạt của 09 người chưa hốt hội số tiền 12.600.000 đồng, đây là phần hội mạo danh.

Bị cáo C cũng tự ý hốt của hội viên phần số 18, ở lần khai thứ 11 ngày 10/6/2017 (âm lịch), kêu 420.000 đồng (mỗi hội viên chưa hốt hội, đóng hội sống số tiền 1.580.000 đồng), hốt được số tiền 29.800.000 đồng, chiếm đoạt của 09 người chưa hốt số tiền 14.220.000 đồng, đây là phần hội mạo danh.

Bị cáo C tự ý hốt hội của hội viên phần số 19, ở lần khai thứ 12 ngày 10/7/2017 (âm lịch), kêu 460.000 đồng (mỗi hội viên chưa hốt đóng hội sống số tiền 1.540.000 đồng), hốt được số tiền 29.400.000 đồng, chiếm đoạt của 09 người chưa hốt số tiền 13.860.000 đồng, đây là phần hội mạo danh.

Như vậy, đây hội mở 10/9/2016 (âm lịch), bị cáo Nguyễn Thị C đã hốt hội được tổng cộng 139.000.000 đồng, chiếm đoạt của 09 người chưa hốt hội với số tiền 53.100.000 đồng. Trong số những người bị C chiếm đoạt tiền, chỉ có 08 người có yêu

xử lý bị cáo C theo quy định của pháp luật đối với C và buộc C trả lại số tiền bị chiếm đoạt gồm:

- 1/ Thái Thị U số tiền: 5.900.000 đồng;
- 2/ Võ Thị Th 5.900.000 đồng;
- 3/ Trần Thị T 5.900.000 đồng;
- 4/ Nguyễn Văn B 5.900.000 đồng;
- 5/ Võ Thị Th 5.900.000 đồng;
- 6/ Nguyễn Tuấn A: 5.900.000 đồng;
- 7/ Bùi Thị TT 5.900.000 đồng;
- 8/ Nguyễn Thị ML 5.900.000 đồng.

Cho nên, số tiền chiếm đoạt được dùng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị C trong đây hội này là 47.200.000 đồng.

2.3. *Dây hội thứ 3*: Mở ngày 15/01/2017 (âm lịch), có 21 phần, C tham gia 04 phần, trong đó C lấy tên người khác 3 phần (số 1, 15, 18). Dây hội này đã khai 09 lần. C đã hốt 04 phần hội. Ngoài ra, C còn tự ý hốt hội của người khác 01 phần (phần số 10). Những người chưa hốt hội gồm: Nguyễn Văn B, Võ Thị Th, Trần Thị T, Trần Văn T, Trần Văn D, Lê Hoàng G, Nguyễn Thị Th, Lê Thị AH, Nguyễn Thị H (2 phần), Nguyễn Thị T, Phạm Thị O, Lê Kim N.

Bị cáo C hốt phần số 01, ở lần khai thứ nhất ngày 15/01/2017 (âm lịch), hội kê 300.000 đồng (mỗi hội viên đóng hội số tiền 1.700.000 đồng), hốt được số tiền 28.900.000 đồng, C chiếm đoạt của 12 người (13 phần hội) số tiền 22.100.000 đồng, đây là phần hội mạo danh.

Bị cáo C hốt phần hội số 15, ở lần khai thứ 02 ngày 15/02/2017 (âm lịch), hội kê 420.000 đồng (mỗi hội viên chưa hốt hội đóng số tiền 1.580.000 đồng), hốt hội tổng số tiền 26.860.000 đồng, C đã chiếm đoạt của 12 người (13 phần hội) số tiền 20.540.000 đồng, đây là phần hội mạo danh.

Bị cáo C hốt phần số 18 ở lần khai thứ 04 ngày 15/4/2017 (âm lịch), hội kê 450.000 đồng (mỗi hội viên chưa hốt đóng hội số tiền là 1.550.000 đồng), hốt được số tiền 26.800.000 đồng, C chiếm đoạt của 12 người (13 phần hội) số tiền 20.150.000 đồng, đây là phần hội mạo danh.

Bị cáo C hốt phần hội số 02, ở lần khai thứ 05 ngày 15/5/2017 (âm lịch), C kê hội 350.000 đồng (mỗi hội viên chưa hốt đóng hội số tiền 1.650.000 đồng), C hốt được số tiền 28.400.000 đồng, đây là phần hội đứng tên C có thật.

Bị cáo C tự ý hốt của hội viên phần số 10, ở lần khai thứ 07 ngày 17/7/2017 (âm lịch), hội kê 550.000 đồng (mỗi hội viên chưa hốt hội đóng số tiền 1.450.000 đồng), C hốt được số tiền 29.800.000 đồng, chiếm đoạt của 12 người (13 phần hội) số tiền 26.300.000 đồng, đây là phần hội mạo danh.

Như vậy, dây hui mở ngày 15/01/2017 (âm lịch) bị cáo C đã hốt được tổng cộng tiền 140.760.000 đồng, đã chiếm đoạt của 12 người chưa hốt hui với số tiền 89.090.000 đồng. Trong số những người bị C chiếm đoạt tiền, có 11 người có yêu cầu xử lý C theo quy định của pháp luật đối với C và buộc C trả lại số tiền bị chiếm đoạt gồm:

- 1/ Nguyễn Thị Th: 6.280.000 đồng;
- 2/ Trần Văn D 6.280.000 đồng;
- 3/ Nguyễn Thị T 6.280.000 đồng;
- 4/ Phạm Thị O 6.280.000 đồng;
- 5/ Võ Thị Th 6.280.000 đồng;
- 6/ Nguyễn Thị H 12.560.000 đồng;
- 7/ Lê Hoàng G 6.280.000 đồng;
- 8/ Trần Thị T 6.280.000 đồng;
- 9/ Nguyễn Văn B 6.280.000 đồng;
- 10/ Trần Văn T 6.280.000 đồng;
- 11/ Lê Thị AH 6.280.000 đồng.

Cho nên, số tiền để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo C trong trong dây hui này 75.360.000 đồng.

2.4. Dây hui thứ 4: Mở ngày 16/02/2017 (âm lịch), có 21 phần, C tham gia 04 phần, trong đó C lấy tên người khác 03 phần hui (số 14, 16, 21). Dây hui này đã khai 07 lần, C đã hốt hết 04 phần hui. Những người chưa hốt hui gồm: Diệp Thị O (2 phần), Nguyễn Thị Th (2 phần), Trần Thị T, Võ Thị Th, Nguyễn Thị T (3 phần), Trần Thị Th, Trần Thị Nguyệt, Võ Thị Nh, Phạm Thị O, Võ Thị Thủy.

Bị cáo C hốt luôn phần hui số 01, ở lần khai thứ nhất ngày 16/02/2017 (âm lịch), kêu 300.000 đồng (những hui viên chưa hốt đóng hui sống số tiền 1.700.000 đồng), C hốt hui được số tiền 28.900.000 đồng, đây là phần hui đứng tên C có thật.

Bị cáo C hốt phần hui số 14, ở lần khai thứ 02 ngày 16/03/2017 (âm lịch), hui kêu 600.000 đồng (mỗi hui viên chưa hốt hui đóng số tiền 1.400.000 đồng), hốt được số tiền 23.800.000 đồng, C chiếm đoạt của 10 người (14 phần hui) số tiền 19.600.000 đồng, đây là phần hui mạo danh.

Bị cáo C hốt hui phần số 16, ở lần khai thứ 04 ngày 16/5/2017 (âm lịch), hui kêu 650.000 đồng (mỗi hui viên chưa hốt hui đóng số tiền 1.350.000 đồng), hốt được số tiền 23.600.000 đồng, C chiếm đoạt của 10 người (14 phần) hui số tiền 18.900.000 đồng, đây là phần hui mạo danh.

Bị cáo C hốt phần hui số 21, ở lần khai thứ 07 ngày 16/7/2017 (âm lịch), kêu 600.000 đồng, (mỗi hui viên chưa hốt hui đóng số tiền 1.400.000 đồng), hốt được số tiền 25.600.000 đồng, bị cáo C chiếm đoạt của 10 người (14 phần) chưa hốt số tiền 19.600.000 đồng, đây là phần hui mạo danh.

Như vậy, dây hui mở ngày 16/02/2017 (âm lịch) bị cáo C đã hốt được tổng cộng 101.900.000 đồng, C chiếm đoạt của 10 người chưa hốt hui số tiền 58.100.000 đồng. Trong số những người bị C chiếm đoạt tiền, có 05 người yêu cầu xử lý C theo quy định của pháp luật đối với C và buộc C trả lại số tiền chiếm đoạt gồm:

- 1/ Nguyễn Thị T: 12.450.000 đồng;
- 2/ Phạm Thị O 4.150.000 đồng;
- 3/ Võ Thị Th 4.150.000 đồng;
- 4/ Trần Thị T 4.150.000 đồng;
- 5/ Diệp Thị O 8.300.000 đồng.

Cho nên, số tiền để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo C trong dây hui này là 33.200.000 đồng.

2.5. *Dây hui thứ 5*: Mở ngày 04/5/2017 (âm lịch), có 21 phần, C tham gia 03 phần, trong đó C lấy tên người khác 02 phần (số 19 và phần số 20). Dây hui này đã khai 5 lần, C đã hốt 03 phần. Những người chưa hốt hui gồm: Trần Thị Ng, Thái Thị U, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị AT, Cao Thanh Th (02 phần), Lê Thị AH, Võ Thị Duyên, Lê Thị Kim Năm, Nguyễn Văn Ph, Võ Thị Th, Huỳnh Kim L, Bùi Thị Bích Th, Đặng Minh Long, Trần Thị MT, Phạm Thị O.

Bị cáo C hốt phần hui số 01, ở lần khai thứ nhất ngày 04/5/2017 (âm lịch), kêu 300.000 đồng (những hui viên chưa hốt hui đóng số tiền 1.700.000 đồng), C hốt được số tiền 30.500.000 đồng, đây là phần hui đứng tên C có thật.

Bị cáo C hốt phần hui số 19, ở lần khai thứ 03 ngày 04/6/2017 (âm lịch), hui kêu 470.000 đồng (mỗi hui viên chưa hốt hui đóng số tiền 1.530.000 đồng), hốt được số tiền 28.010.000 đồng, chiếm đoạt của 15 người (16 phần) hui chưa hốt số tiền 24.480.000 đồng, đây là phần hui mạo danh.

Bị cáo C hốt phần hui số 20, ở lần khai thứ 05 ngày 04/8/2017(âm lịch), kêu 600.000 đồng (mỗi hui viên chưa hốt hui đóng số tiền 1.400.000 đồng), C hốt hui được số tiền 26.400.000 đồng, chiếm đoạt của 15 người (16 phần) chưa hốt hui số tiền 22.400.000 đồng, đây là phần hui mạo danh.

Như vậy, dây hui mở ngày 04/5/2017 (âm lịch) C đã hốt được tổng cộng 84.910.000 đồng, chiếm đoạt của 15 người chưa hốt hui số tiền 46.880.000 đồng. Trong số những người bị C chiếm đoạt tiền, có 11 hui viên yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật đối với C và buộc C trả lại số đã chiếm đoạt gồm:

- 1/ Thái Thị U: 2.930.000 đồng;
- 2/ Nguyễn Thị T: 2.930.000 đồng;
- 3/ Phạm Thị O 2.930.000 đồng;
- 4/ Huỳnh Kim L 2.930.000 đồng;
- 5/ Võ Thị Th: 2.930.000 đồng;
- 6/ Trần Thị Ng 2.930.000 đồng;

- 7/ Lê Thị AH 2.930.000 đồng;
- 8/ Nguyễn Thị AT 2.930.000 đồng;
- 9/ Cao Thanh Th 5.860.000 đồng;
- 10/ Nguyễn Văn Ph 2.930.000 đồng;
- 11/ Trần Thị MT 2.930.000 đồng.

Cho nên, số tiền để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị C trong dây hui này là 35.160.000 đồng.

2.6. *Dây hui thứ 6:* Mở ngày 20/6/2017 (âm lịch), có 19 phần, C tham gia 04 phần, trong đó C lấy tên người khác 03 phần hui (phần số 01, 08, 09). Dây hui này đã khai 03 lần. C đã hót hết 03 phần hui bằng tên người khác (tên không có thật). Tổng số hui viên chưa hót hui gồm: Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Tấn Yên, Võ Thị Th, Nguyễn Thị Th, Cao Thị Th, Diệp Thị O, Lê Thị Kim Năm, Huỳnh Kim L, Nguyễn Phương Diễm, Đặng Thị Chương, Nguyễn Thị AT, Võ Thị H (2 phần), Võ Thị TN, Phạm Thị O.

Bị cáo C hót phần hui số 01, ở lần khai thứ nhất ngày 20/6/2017 (âm lịch), kêu 300.000 đồng (mỗi hui viên chưa hót hui đóng số tiền 1.700.000 đồng), C chiếm đoạt tiền của 14 hui viên (15 phần) hui, số tiền 25.500.000 đồng, đây là phần hui mạo danh.

Bị cáo C hót phần hui số 08, ở lần khai thứ 02 ngày 20/7/2017 (âm lịch), kêu 500.000 đồng (những hui viên chưa hót đóng số tiền 1.500.000 đồng), C chiếm đoạt của 14 hui viên (15 phần) số tiền 22.500.000 đồng, đây là phần hui mạo danh.

Bị cáo C tiếp tục dùng tên của người khác hót phần hui số 09, ở lần khai thứ 03 ngày 20/8/2017 (âm lịch), kêu 550.000 đồng (mỗi hui viên chưa hót đóng hui sống là 1.450.000 đồng), hót được số tiền 21.750.000 đồng, đây là số tiền C chiếm đoạt của 14 hui viên (15 phần).

Như vậy, dây hui mở ngày 20/6/2017 (âm lịch) bị cáo C đã hót được tổng cộng 69.750.000 đồng, chiếm đoạt của 14 người chưa hót hui số tiền: 69.750.000 đồng. Trong số những người bị C chiếm đoạt tiền, có 08 hui viên có yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật đối với C và buộc C trả lại số tiền chiếm đoạt gồm:

- 1/ Phạm Thị O: 4.650.000 đồng;
- 2/ Võ Thị Th: 4.650.000 đồng;
- 3/ Huỳnh Kim L: 4.650.000 đồng;
- 4/ Võ Thị H 9.300.000 đồng;
- 5/ Diệp Thị O 4.650.000 đồng;
- 6/ Nguyễn Thị AT: 4.650.000 đồng;
- 7/ Nguyễn Văn Ph 4.650.000 đồng;
- 8/ Võ Thị TN 4.650.000 đồng.

Cho nên, số tiền để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo C trong dây hội này là 41.850.000 đồng.

2.7. *Dây hội thứ 7*: Mở ngày 02/7/2017 (âm lịch), có 21 phần, C tham gia 03 phần, trong đó C lấy tên của người khác 02 phần hội (số 13 và 19). Dây hội này đã khai 2 lần, C đã hốt hết 02 phần đã tham gia bằng tên người khác, 01 phần tên C. Những hội viên khác chưa hốt hội gồm: Lê Thanh T, Nguyễn Thị Kh, Trần Thị Phương Lan, Trần Thị Th, Trần Kim C (2 phần), Đặng Thị D, Đặng Thị Chúc, Lê Thị LT, Trần Thị KN, Đỗ Đắc Linh, Nguyễn Thị T (2 phần), Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thị KM (2 phần), Nguyễn Thị Ngọc Hòa, Nguyễn Tuấn Yên.

Bị cáo C hốt phần hội số 01, ở lần khai thứ nhất ngày 02/7/2017 (âm lịch), kêu 300.000 đồng (những hội viên chưa hốt hội đóng số tiền 1.700.000 đồng), C hốt được số tiền 30.600.000 đồng, đây là phần hội đứng tên C có thật.

Bị cáo C hốt phần số 13, ở lần khai thứ 02 ngày 02/8/2017 (âm lịch), kêu 700.000 đồng (những hội viên chưa hốt hội đóng số tiền 1.300.000 đồng), hốt được 23.400.000 đồng, chiếm đoạt của 15 hội viên chưa hốt hội (18 phần), đây là phần hội mạo danh.

Như vậy, dây hội ngày 02/7/2017 (âm lịch) C đã hốt hội tổng cộng 54.000.000 đồng, chiếm đoạt của 15 người chưa hốt hội số tiền 23.400.000 đồng. Trong số những người bị C chiếm đoạt tiền, có 05 người yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật đối với C và buộc C trả lại số tiền chiếm đoạt gồm:

- 1/ Nguyễn Thị T: 2.600.000 đồng;
- 2/ Nguyễn Thị KM: 2.600.000 đồng;
- 3/ Trần Kim C 2.600.000 đồng;
- 4/ Lê Thị LT 1.300.000 đồng;
- 5/ Trần Thị KN 1.300.000 đồng.

Cho nên, số tiền để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo C trong dây hội này là 10.400.000 đồng.

2.8. *Dây hội thứ 8*: Mở ngày 12/4/2016 (âm lịch), có 20 phần, C tham gia 04 phần, trong đó C lấy tên người khác 03 phần (số 02, 14, 17). Dây hội này đã khai 18 lần, C đã hốt hết 04 phần hội. Ngoài ra, C còn tự ý hốt hội của người khác 02 phần, phần hội (số 07 và số 15). Những người chưa hốt hội gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị KM, Nguyễn Thị H, Võ Thị Th và Đồng Thị H

Bị cáo C hốt phần hội số 01, ở lần khai thứ nhất ngày 12/4/2016 (âm lịch), kêu 300.000 đồng (những hội viên chưa hốt đóng hội số tiền 1.700.000 đồng), C hốt được số tiền 27.200.000 đồng, đây là phần hội đứng tên C có thật.

Bị cáo C hốt phần hội số 17, lần khai thứ 03 ngày 12/6/2016 (âm lịch), kêu 380.000 đồng (những hội viên chưa hốt hội đóng hội số tiền 1.620.000 đồng), hốt được

26.300.000 đồng, chiếm đoạt của 05 người chưa hốt hụi 8.100.000 đồng, đây là phần hụi mạo danh.

Bị cáo C hốt phần hụi số 14, ở lần khai thứ 04 ngày 12/7/2016 (âm lịch), kê 480.000 đồng (những hụi viên chưa hốt hụi đóng số tiền 1.520.000 đồng), hốt được 24.800.000 đồng, chiếm đoạt của 05 người chưa hốt hụi 7.600.000 đồng, đây là phần hụi mạo danh.

Bị cáo C hốt phần số 02, ở lần khai thứ 07 ngày 12/10/2016 (âm lịch), kê 500.000 đồng (những hụi viên chưa hốt hụi đóng số tiền 1.500.000 đồng), hốt được 25.500.000 đồng, chiếm đoạt của 05 người chưa hốt hụi 7.500.000 đồng, đây là phần hụi mạo danh.

Bị cáo C tự ý hốt của hụi viên ở phần hụi số 07, ở lần khai thứ 12 ngày 12/3/2017 (âm lịch), kê 550.000 đồng (những hụi viên chưa hốt hụi đóng số tiền 1.450.000 đồng), hốt được 27.050.000 đồng, C chiếm đoạt của 05 người chưa hốt hụi, số tiền 7.250.000 đồng, đây là phần hụi mạo danh.

Bị cáo C tự ý hốt hụi của hụi viên phần hụi số 12, ở lần khai thứ 15 ngày 10/6/2017 (âm lịch), kê 550.000 đồng (những hụi viên chưa hốt hụi đóng số tiền 1.450.000 đồng), hốt được số tiền 28.350.000 đồng, chiếm đoạt của 05 người, số tiền chiếm đoạt 7.250.000 đồng, đây là phần hụi mạo danh.

Bị cáo C tự ý hốt hụi của hụi viên phần hụi số 15, ở lần khai thứ 16 ngày 12/6/2017 (âm lịch), kê 400.000 đồng (những hụi viên chưa hốt hụi đóng số tiền 1.600.000 đồng), hốt được số tiền 29.600.000 đồng, C chiếm đoạt của 05 người, số tiền chiếm đoạt 8.000.000 đồng, đây là phần hụi mạo danh.

Như vậy, đây hụi mở ngày 12/4/2016 (âm lịch) C đã hốt hụi được tổng số tiền 160.450.000 đồng, C chiếm đoạt của 05 người chưa hốt hụi với số tiền 38.450.000 đồng; 05 hụi viên này yêu cầu bị cáo C trả lại số tiền chiếm đoạt cụ thể:

- 1/ Nguyễn Thị T: 9.228.000 đồng;
- 2/ Nguyễn Thị KM: 9.228.000 đồng;
- 3/ Nguyễn Thị H 9.228.000 đồng;
- 4/ Võ Thị Th 9.228.000 đồng;
- 5/ Đồng Thị H 9.228.000 đồng.

Vật chứng đã thu giữ gồm: 03 (ba) quyển sổ để ghi chép lại quá trình tổ chức chơi hụi của của bị cáo C. Ký hiệu sổ thứ nhất (bìa màu xanh rêu), sổ thứ hai (bìa màu đen), sổ hụi thứ 3 (không bìa).

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKS-HCTA, ngày 26/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A căn cứ vào việc bị cáo C đã bằng thủ đoạn gian dối bằng cách đưa vào các dây hụi 25 tên giả và 05 lần tự ý mượn hụi để hốt hụi của các hụi viên trong 05 dây hụi mùa; 08 dây hụi tháng để chiếm đoạt tiền của 36 bị hại có yêu cầu xử lý số tiền 377.880.000 đồng (ba trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm tám mươi

ng nghìn đồng) nên truy tố Nguyễn Thị C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hậu quả đã gây nên cho xã hội, cho các bị hại; bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả bằng cách đã nộp trước 200.000.000 đồng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Từ những phân tích đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Thị C mức án từ 05 năm đến 06 năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho các bị hại có yêu cầu trong vụ án này số tiền bị chiếm đoạt mang tính chất lừa đảo. Đối với số tiền mà bị cáo nợ hội các hội viên mang tính chất dân sự tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả lại theo yêu cầu của các bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với 03 (ba) quyển sổ để ghi chép lại quá trình tổ chức chơi hội của của bị cáo C. Ký hiệu sổ thứ nhất (bìa màu xanh rêu), sổ thứ hai (bìa màu đen), sổ hội thứ 3 (không bìa) là vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội đề nghị tịch thu lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp để sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tất cả 36 bị hại đều thống nhất số tiền bị chiếm đoạt mang tính chất hình sự như kết quả điều tra và cáo trạng đã truy tố và tại phiên tòa đã làm rõ; tất cả đều có chung đề nghị về trách nhiệm hình sự của bị cáo C sẽ do Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá tính chất, mức độ xét xử theo quy định pháp luật; không ai yêu cầu tăng nặng cũng không ai yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tất cả các bị hại có mặt; các bị hại vắng mặt nhưng đã thể hiện rõ yêu cầu trong lời khai đã cung cấp trong quá trình điều tra là yêu cầu bị cáo C trả lại tất cả tiền hội mà họ đã đóng gồm: Tiền bị lừa đảo chiếm đoạt và tiền hội vốn mang tính chất dân sự được làm rõ tại phiên tòa, không có bị hại nào yêu cầu bồi thường thiệt hại, không bị hại nào yêu cầu tính lãi suất.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Trần Thị Th, Lê Thị M (sinh năm: 1971), Lê Thị M (sinh năm: 1960), Cao Thị Th, Huỳnh Cẩm H, Nguyễn Thị D, Huỳnh Thị Bạch Ng, Đặng Văn Ph, Nguyễn Thị Kh, Lê Kim N, Nguyễn Thị Th, Võ Thị Nh, Bùi Thị Bích Th, Đặng Thị Tr (Chương), Lê Thanh T, Trần Bạch Phương L, Đặng Thị D, Bùi Thị H, Bùi Thị Th, Nguyễn Thị Diễm Ph, Nguyễn Thị Thu Ph, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Ngọc H không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo và tự thỏa thuận hoặc tự trừ căn tiền hui, tiền nợ với nhau và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo; các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xem là hợp pháp.

[2] Xét về thủ tục tố tụng:

[2.1] Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo C diễn ra từ năm 2015 – 2017, lẽ ra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành A và Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phải kết luận điều tra và truy tố hành vi của bị cáo C về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) mới phù hợp, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại bản kết luận điều tra vụ án hình sự số 13/KLĐT-ĐTTH, ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành A và Cáo trạng số 20/CT-VKS-HCTA, ngày 26/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A đã truy tố Nguyễn Thị C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), có hiệu lực thi hành từ 01/01/2018 là chưa phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đã bãi bỏ một số điểm so Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) không bất lợi cho bị cáo. Mặt khác, tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) thì định lượng để truy tố và khung hình phạt là giống nhau nên không cần thiết phải trả hồ sơ để điều tra, truy tố lại nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra

Công an huyện Châu Thành A và Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A cần phải rút kinh nghiệm chung.

[2.2] Cáo trạng của Viện kiểm sát cộng tổng số tiền bị cáo C lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 36 bị hại có yêu cầu là 377.880.000đ (ba trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Cáo trạng đã xác định số tiền các bị hại bị chiếm đoạt gồm: Thái Thị U 8.830.000 đồng; Nguyễn Thị Th 6.230.000 đồng; Trần Văn D 6.230.000 đồng; Nguyễn Thị T 39.000.000 đồng; Nguyễn Thị C 5.130.000 đồng; Phạm Thị O 17.960.000 đồng; Trần Thị H 2.830.000 đồng; Nguyễn Thị B 9.600.000 đồng; Võ Thị Th 23.760.000 đồng; Huỳnh Kim L 7.580.000 đồng; Nguyễn Thị KM 14.790.000 đồng; Nguyễn Thị H 20.150.000 đồng; Lê Hoàng G 6.230.000 đồng; Trần Thị T 28.710.000 đồng; Võ Thị Th 19.620.000 đồng; Võ Thị H 13.800.000 đồng; Trần Thị KH 2.830.000 đồng; Đồng Thị H 10.520.000 đồng; Trần Thị Ng 8.060.000 đồng; Nguyễn Văn B 26.230.000 đồng; Võ Thị Th 5.900.000 đồng; Nguyễn Tuấn A 5.900.000 đồng; Bùi Thị TT 5.900.000 đồng; Nguyễn Thị ML 5.900.000 đồng; Trần Văn T 6.230.000 đồng; Lê Thị AH 9.160.000 đồng; Diệp Thị O 12.950.000 đồng; Nguyễn Thị AT 7.580.000 đồng; Cao Thanh Th 5.860.000 đồng; Nguyễn Văn Ph 7.580.000 đồng; Trần Thị MT 2.930.000 đồng; Võ Thị TN 4.650.000 đồng; Trần Kim C 2.650.000 đồng; Lê Thị LT 1.300.000 đồng; Trần Thị KN 1.300.000 đồng; Phan Thị Kim S 6.800.000 đồng.

Tại phiên tòa qua xét hỏi, tranh tụng công khai, qua đối chất và đối chiếu hỏi, kết hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã xác định được có sự chênh lệch về số tiền bị chiếm đoạt của các bị hại lẽ ra số đúng là 378.480.000 đồng (ba trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng), cụ thể như sau: Thái Thị U 8.830.000 đồng; Nguyễn Thị Th 6.280.000 đồng; Trần Văn D 6.280.000 đồng; Nguyễn Thị T 40.500.000 đồng; Nguyễn Thị C 5.130.000 đồng; Phạm Thị O 18.010.000 đồng; Trần Thị H 2.830.000 đồng; Nguyễn Thị B 9.600.000 đồng; Võ Thị Th 23.810.000 đồng; Huỳnh Kim L 7.580.000 đồng; Nguyễn Thị KM 16.240.000 đồng; Nguyễn Thị H 21.700.000 đồng; Lê Hoàng G 6.280.000 đồng; Trần Thị T 28.760.000 đồng; Võ Thị Th 21.070.000 đồng; Võ Thị H 13.800.000 đồng; Trần Thị KH 2.830.000 đồng; Đồng Thị H 11.970.000 đồng; Trần Thị Ng 8.060.000 đồng; Nguyễn Văn B 26.280.000 đồng; Võ Thị Th 5.900.000 đồng; Nguyễn Tuấn A 5.900.000 đồng; Bùi Thị TT 5.900.000 đồng; Nguyễn Thị ML 5.900.000 đồng; Trần Văn T 6.280.000 đồng; Lê Thị AH 9.210.000 đồng; Diệp Thị O 12.950.000 đồng; Nguyễn Thị AT 7.580.000 đồng; Cao Thanh Th 5.860.000 đồng; Nguyễn Văn Ph 7.580.000 đồng; Trần Thị MT 2.930.000 đồng; Võ Thị TN 4.650.000 đồng; Trần Kim C 2.600.000 đồng; Lê Thị LT 1.300.000 đồng; Trần Thị KN 1.300.000 đồng; Phan Thị Kim S 6.800.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền để truy tố đối với bị cáo chính xác là 378.480.000 đồng (ba trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, xét thấy việc sai sót là do tính toán nhầm lẫn và số tiền sai số 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) là không lớn, không làm thay đổi khung hình phạt nên chấp nhận xét xử theo trình tự sơ thẩm nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A cũng cần phải rút kinh nghiệm.

[2.3] Những bị hại gồm: Nguyễn Văn Ph, Trần Thị MT, Võ Thị TN, Trần Kim C; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Trần Thị Th, Lê Thị M (sinh năm: 1971), Lê Thị M (sinh năm: 1960), Cao Thị Th, Huỳnh Cẩm H, Nguyễn Thị D, Huỳnh Thị Bạch Ng, Nguyễn Thị Kh, Lê Kim N, Nguyễn Thị Th, Bùi Thị Bích Th, Đặng Thị Tr (Chường), Lê Thanh T, Trần Bạch Phương L, Đặng Thị D, Bùi Thị H, Bùi Thị Th, Nguyễn Thị Diễm Ph, Nguyễn Thị Thu Ph, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã có cung cấp lời khai rõ ràng, có yêu cầu cụ thể, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ pháp luật.

[3] Lời thừa nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những tình tiết, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định được: Do nhiều dây hụi C làm chủ các hụi viên đã hốt hụi xong không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết lại đầy đủ nên bị cáo C phải tràn hụi cho các hụi viên trong thời gian dài, cùng với việc bị cáo C vì hám lợi vay mượn tiền của nhiều người với lãi suất thấp để cho vay lại với lãi suất cao hơn kiếm lời nhưng người vay tiền của C không trả nên C mất dần khả năng thanh toán hụi. Với động cơ tư lợi cá nhân, xem thường pháp luật nên trong khoảng thời gian từ năm 2015 – 2017 bị cáo C nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối trong việc quản lý nhiều dây hụi tháng, hụi mùa do bị cáo làm chủ. Cụ thể, tại phiên tòa bị cáo C thừa nhận tự ghi tên của một số người trước đây có tham gia chơi hụi do bị cáo làm chủ nhưng họ đã nghỉ chơi từ lâu và tự đưa tên không (tên không có thật) vào danh sách hụi rồi photo copy danh sách đưa cho các hụi viên và lợi dụng những thành viên góp hụi (bị hại) muốn nuôi hụi, không đi hoặc ít đi dự kê hụi từ đó bị cáo tự đưa ra thông tin đã có người hốt hoặc tự ý mượn hụi của hụi viên nhưng người hụi viên bị mượn hụi không hề hay biết để hốt hụi chiếm đoạt tiền của nhiều bị hại. Với hành vi trên, bị cáo Nguyễn Thị C đã dùng thủ đoạn gian dối đưa 25 tên giả vào các dây hụi và 05 lần bị cáo C tự ý mạo danh mượn hụi nhưng hụi viên không hay biết để hốt hụi của hụi viên trong 05 dây hụi mùa; 08 dây hụi tháng do bị cáo làm chủ chiếm đoạt của 36 bị hại có yêu cầu xử lý với số tiền 378.480.000 đồng (ba trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Cụ thể bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại như sau:

- 1/ Chiếm đoạt của Thái Thị U số tiền: 8.830.000 đồng;
- 2/ Chiếm đoạt của Nguyễn Thị Th số tiền: 6.280.000 đồng.
- 3/ Chiếm đoạt của Trần Văn D số tiền: 6.280.000 đồng.
- 4/ Chiếm đoạt của Nguyễn Thị T số tiền: 40.500.000 đồng.
- 5/ Chiếm đoạt của Nguyễn Thị C số tiền: 5.130.000 đồng.
- 6/ Chiếm đoạt của Phạm Thị O số tiền: 18.010.000 đồng.
- 7/ Chiếm đoạt của Trần Thị H số tiền: 2.830.000 đồng.
- 8/ Chiếm đoạt của Nguyễn Thị B số tiền: 9.600.000 đồng.
- 9/ Chiếm đoạt của Võ Thị Th số tiền: 23.810.000 đồng.
- 10/ Chiếm đoạt của Huỳnh Kim L số tiền: 7.580.000 đồng.
- 11/ Chiếm đoạt của Nguyễn Thị KM số tiền: 16.240.000 đồng.
- 12/ Chiếm đoạt của Nguyễn Thị H số tiền: 21.700.000 đồng.
- 13/ Chiếm đoạt của Lê Hoàng G số tiền: 6.280.000 đồng.
- 14/ Chiếm đoạt của Trần Thị T số tiền: 28.760.000 đồng.
- 15/ Chiếm đoạt của Võ Thị Th số tiền: 21.070.000 đồng.
- 16/ Chiếm đoạt của Võ Thị H số tiền: 13.800.000 đồng.
- 17/ Chiếm đoạt của Trần Thị KH số tiền: 2.830.000 đồng.
- 18/ Chiếm đoạt của Đồng Thị H số tiền: 11.970.000 đồng.
- 19/ Chiếm đoạt của Trần Thị Ng số tiền: 8.060.000 đồng.
- 20/ Chiếm đoạt của Nguyễn Văn B số tiền: 26.280.000 đồng.
- 21/ Chiếm đoạt của Võ Thị Th số tiền: 5.900.000 đồng.
- 22/ Chiếm đoạt của Nguyễn Tuấn A số tiền: 5.900.000 đồng.
- 23/ Chiếm đoạt của Bùi Thị TT số tiền: 5.900.000 đồng.
- 24/ Chiếm đoạt của Nguyễn Thị ML số tiền: 5.900.000 đồng.
- 25/ Chiếm đoạt của Trần Văn T số tiền: 6.280.000 đồng.
- 26/ Chiếm đoạt của Lê Thị AH số tiền: 9.210.000 đồng.
- 27/ Chiếm đoạt của Diệp Thị O số tiền: 12.950.000 đồng.
- 28/ Chiếm đoạt của Nguyễn Thị AT số tiền: 7.580.000 đồng.
- 29/ Chiếm đoạt của Cao Thanh Th số tiền: 5.860.000 đồng.
- 30/ Chiếm đoạt của Nguyễn Văn Ph số tiền: 7.580.000 đồng.
- 31/ Chiếm đoạt của Trần Thị MT số tiền: 2.930.000 đồng.
- 32/ Chiếm đoạt của Võ Thị TN số tiền: 4.650.000 đồng.
- 33/ Chiếm đoạt của Trần Kim C số tiền: 2.600.000 đồng.
- 34/ Chiếm đoạt của Lê Thị LT số tiền: 1.300.000 đồng.
- 35/ Chiếm đoạt của Trần Thị KN số tiền: 1.300.000 đồng.
- 36/ Chiếm đoạt của Phan Thị Kim S số tiền: 6.800.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo C đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A truy tố đối với bị cáo C là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo C là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Bị cáo ý thức và biết trước việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện và mong muốn cho hậu quả xảy ra thể hiện lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã làm tổn thất không nhỏ về kinh tế của một bộ phận quần chúng nhân dân, làm cho một số người dân gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống, gây xôn xao trong dư luận, làm mất trật tự trị an. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm trừng trị, cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, đồng thời nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo không có tiền án tiền sự; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Tự nguyện sửa chữa bằng cách đã nộp trước 200.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù số tiền bị cáo khắc phục hậu quả cho những bị hại chỉ hơn 1/2 số tiền bị cáo chiếm đoạt là chưa đầy đủ, tuy nhiên hiện tại gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn, không có đất sản xuất, bị cáo đã bán nhà là chỗ ở duy nhất lấy tiền để khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo và gia đình không có nguồn thu nhập ổn định để tiếp tục khắc phục hậu quả; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự nên nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho các bị hại có yêu cầu trong vụ án này số tiền bị chiếm đoạt mang tính chất hình sự. Đối với số tiền mà bị cáo nợ hội các hội viên mang tính chất dân sự tại phiên tòa bị cáo tự nguyện đồng ý trả lại theo yêu cầu của tất cả các bị hại có yêu cầu, đây là sự tự nguyện, tự nguyện tự thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[5] Xét về xử lý vật chứng: Đối với 03 (ba) quyển sổ để ghi chép lại quá trình tổ chức chơi hụi của của bị cáo C. Ký hiệu sổ thứ nhất (bìa màu xanh rêu), sổ thứ hai (bìa màu đen), sổ hụi thứ 3 (không bìa) là vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp để sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Tại phiên tòa ông Lê Văn Th là chồng của bị cáo khai ông làm nghề chính là đi cày đất thuê, bị cáo C có nhờ đi gom tiền hụi dùm vài lần, kêu gom của ai bao nhiêu thì ông gom bấy nhiêu chứ hoàn toàn không biết việc bị cáo C làm hụi không, hụi không có tên, mạo danh hốt hụi là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Lê Văn Th là phù hợp, đúng pháp luật.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là: Tổng số tiền bị cáo có trách nhiệm trả là 1.105.440.000 đồng – 200.000.000 đồng (do bị cáo tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa nên theo điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bị cáo không phải nộp). Còn lại số tiền 905.440.000 đồng bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 39.163.200 đồng.

[8] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều khoản áp dụng và hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; các Điều 292, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị C 05 (năm) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1. Buộc bị cáo Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả lại số tiền lừa đảo chiếm đoạt cho những người bị hại với tổng số tiền 378.480.000 đồng (ba trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng), cụ thể trả cho:

1/ Thái Thị U số tiền: 8.830.000 đồng.

2/ Nguyễn Thị Th số tiền: 6.280.000 đồng.

- 3/ Trần Văn D số tiền: 6.280.000 đồng.
- 4/ Nguyễn Thị T số tiền: 40.500.000 đồng.
- 5/ Nguyễn Thị C số tiền: 5.130.000 đồng.
- 6/ Phạm Thị O số tiền: 18.010.000 đồng.
- 7/ Trần Thị H số tiền: 2.830.000 đồng.
- 8/ Nguyễn Thị B số tiền: 9.600.000 đồng.
- 9/ Võ Thị Th số tiền: 23.810.000 đồng.
- 10/ Huỳnh Kim L số tiền: 7.580.000 đồng.
- 11/ Nguyễn Thị KM số tiền: 16.240.000 đồng.
- 12/ Nguyễn Thị H số tiền: 21.700.000 đồng.
- 13/ Lê Hoàng G số tiền: 6.280.000 đồng.
- 14/ Trần Thị T số tiền: 28.760.000 đồng.
- 15/ Võ Thị Th số tiền: 21.070.000 đồng.
- 16/ Võ Thị H số tiền: 13.800.000 đồng.
- 17/ Trần Thị KH số tiền: 2.830.000 đồng.
- 18/ Đồng Thị H số tiền: 11.970.000 đồng.
- 19/ Trần Thị Ng số tiền: 8.060.000 đồng.
- 20/ Nguyễn Văn B số tiền: 26.280.000 đồng.
- 21/ Võ Thị Th số tiền: 5.900.000 đồng.
- 22/ Nguyễn Tuấn A số tiền: 5.900.000 đồng.
- 23/ Bùi Thị TT số tiền: 5.900.000 đồng.
- 24/ Nguyễn Thị ML số tiền: 5.900.000 đồng.
- 25/ Trần Văn T số tiền: 6.280.000 đồng.
- 26/ Lê Thị AH số tiền: 9.210.000 đồng.
- 27/ Diệp Thị O số tiền: 12.950.000 đồng.
- 28/ Nguyễn Thị AT số tiền: 7.580.000 đồng.
- 29/ Cao Thanh Th số tiền: 5.860.000 đồng.
- 30/ Nguyễn Văn Ph số tiền: 7.580.000 đồng.
- 31/ Trần Thị MT số tiền: 2.930.000 đồng.
- 32/ Võ Thị TN số tiền: 4.650.000 đồng.
- 33/ Trần Kim C số tiền: 2.600.000 đồng.
- 34/ Lê Thị LT số tiền: 1.300.000 đồng.
- 35/ Trần Thị KN số tiền: 1.300.000 đồng.
- 36/ Phan Thị Kim S số tiền: 6.800.000 đồng.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả lại số tiền hui còn nợ các hui viên (bị hại) mang tính chất dân sự là số tiền 726.960.000 đồng (bảy trăm hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng), cụ thể tự nguyện trả như sau:

- 1/ Thái Thị U số tiền: 18.050.000 đồng;
- 2/ Nguyễn Thị Th số tiền: 7.500.000 đồng.
- 3/ Trần Văn D số tiền: 7.500.000 đồng.
- 4/ Nguyễn Thị T số tiền: 95.340.000 đồng.
- 5/ Nguyễn Thị C số tiền: 27.290.000 đồng.
- 6/ Phạm Thị O số tiền: 19.270.000 đồng.
- 7/ Trần Thị H số tiền: 9.940.000 đồng.
- 8/ Nguyễn Thị B số tiền: 40.100.000 đồng.
- 9/ Võ Thị Th số tiền: 38.710.000 đồng .
- 10/ Huỳnh Kim L số tiền: 4.750.000 đồng.
- 11/ Nguyễn Thị KM số tiền: 29.380.000 đồng.
- 12/ Nguyễn Thị H số tiền: 30.380.000 đồng.
- 13/ Lê Hoàng G số tiền: 7.500.000 đồng.
- 14/ Trần Thị T số tiền: 79.010.000 đồng.
- 15/ Võ Thị Th số tiền: 42.830.000 đồng.
- 16/ Võ Thị H số tiền: 10.100.000 đồng.
- 17/ Trần Thị KH số tiền: 8.940.000 đồng.
- 18/ Đồng Thị H số tiền: 15.520.000 đồng.
- 19/ Trần Thị Ng số tiền: 34.540.000 đồng.
- 20/ Nguyễn Văn B số tiền: 65.600.000 đồng.
- 21/ Võ Thị Th số tiền: 13.300.000 đồng.
- 22/ Nguyễn Tuấn A số tiền: 7.800.000 đồng.
- 23/ Bùi Thị TT số tiền: 13.300.000 đồng.
- 24/ Nguyễn Thị ML số tiền: 13.300.000 đồng.
- 25/ Trần Văn T số tiền: 7.500.000 đồng.
- 26/ Lê Thị AH số tiền: 12.250.000 đồng.
- 27/ Diệp Thị O số tiền: 6.760.000 đồng.
- 28/ Nguyễn Thị AT số tiền: 4.750.000 đồng.
- 29/ Cao Thanh Th số tiền: 9.500.000 đồng.
- 30/ Nguyễn Văn Ph số tiền: 4.750.000 đồng.
- 31/ Trần Thị MT số tiền: 4.750.000 đồng.
- 32/ Võ Thị TN số tiền: 00 đồng.
- 33/ Trần Kim C số tiền: 3.400.000 đồng.
- 34/ Lê Thị LT số tiền: 1.700.000 đồng.
- 35/ Trần Thị KN số tiền: 1.700.000 đồng.
- 36/ Phan Thị Kim S số tiền: 29.950.000 đồng.

Kể từ ngày các bị hại trong vụ án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền mà bị cáo có trách nhiệm trả nếu bị cáo Nguyễn Thị C chậm thực hiện nghĩa vụ

trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi cho các bị hại theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Tịch thu lưu giữ theo hồ sơ vụ án 03 (ba) quyển sổ để ghi chép lại quá trình tổ chức chơi hội của của bị cáo C. Ký hiệu sổ thứ nhất (bìa màu xanh rêu), sổ thứ hai (bìa màu đen), sổ thứ 3 (không bìa).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) bị cáo đã tạm nộp trong quá trình điều tra để đảm bảo cho việc thi hành án và sẽ do Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A giải quyết trong giai đoạn thi hành án theo quy định pháp luật.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 39.163.200 đồng (ba mươi chín triệu một trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 02/7/2019; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân (xã, phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Thành

Trần Thị Út

Nguyễn Minh Tâm

****Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND huyện Châu Thành A;
- Công an huyện Châu Thành A;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm